

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và bà Võ Thị Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 29/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019; quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 14/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019; thông báo mở lại phiên tòa số 35/2020/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị L.

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018), có mặt.

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L2, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị L, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trong quá trình tố tụng:

Ngày 24/12/2017 âm lịch, chị Nguyễn Thị L2 có vay của bà Thái Thị L số tiền 486.500.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 30/11/2018 âm lịch, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn nhưng chị L2 không trả số nợ gốc và tiền lãi cho bà L nên bà L làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị L2 phải trả cho bà L số tiền 486.500.000 đồng tiền gốc và 81.500.000 đồng tiền lãi, lãi suất được tính 10%/năm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay ngày 24/12/2017 âm lịch (tức ngày 09/02/2018 dương lịch) đến ngày xét xử, ngày 30/9/2020 (02 năm 07 tháng 21 ngày), mức lãi suất 10%/năm với số tiền 128.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 614.500.000 đồng (Sáu trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Theo lời khai của bị đơn, chị Nguyễn Thị L2 trong quá trình tố tụng: Chị Nguyễn Thị L2 thừa nhận có vay của bà Thái Thị L số tiền 486.500.000 đồng vào ngày 24/12/2017 âm lịch, thỏa thuận miệng lãi suất là 1.000đ/triệu/ngày, hạn trả nợ là ngày 30/11/2018 âm lịch. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chị L2 trả số tiền gốc và lãi chị L2 đồng ý nhưng do điều kiện khó khăn nên xin được trả dần số nợ này.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L2 vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song không thể tiến hành hòa giải cho các đương sự. Các đương sự thống nhất về số tiền nợ gốc và lãi nhưng không thống nhất được phương thức trả nợ gốc và lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành không đúng theo triệu tập của Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 436; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thái Thị L, buộc chị Nguyễn Thị L2 phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 486.500.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà L.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Thái Thị L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị L2 phải trả số tiền vay ngày 24/12/2017 (âm lịch), phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Số tiền vay ngày 24/12/2017 (âm lịch), thời hạn trả nợ ngày 30/11/2018 âm lịch tức ngày 05/01/2019. Ngày 18/01/2019 bà Thái Thị L làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn chị Nguyễn Thị L2 có địa chỉ tại thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bà Thái Thị L là nguyên đơn trong vụ án, nhưng bà L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là đúng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà Thái Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị L2 phải trả số tiền gốc đã vay là 486.500.000 đồng theo giấy viết tay ngày 24/12/2017 âm lịch và 128.000.000 đồng tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày vay, ngày 24/12/2017 âm lịch tức ngày 09/02/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2020.

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Theo giấy vay tiền giữa hai bên lập ngày 24/12/2017 âm lịch, đến ngày 30/11/2018 âm lịch chị L2 phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà L. Nhưng vì đến hạn, chị L2 không trả tiền cho bà L nên chị L2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà Thái Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị L2 phải trả số tiền gốc đã vay là 486.500.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, bị đơn cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000đ/triệu/ngày nhưng chỉ là thỏa thuận miệng. Do có tranh chấp về cách tính lãi suất nên cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất là phù hợp.

Cụ thể: Lãi suất được tính từ ngày 24/12/2017 âm lịch (09/02/2018 dương lịch) đến ngày xét xử 30/9/2020 là 02 năm 07 tháng 21 ngày x 0,83%/tháng x 486.500.000đ = 128.000.000 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị L2 phải trả cho bà Thái Thị L số tiền 614.500.000 đồng (Sáu trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó 486.500.000 đồng tiền gốc và 128.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị L2 phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 28.580.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463; khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc chị Nguyễn Thị L2 phải trả cho bà Thái Thị L số tiền 614.500.000 đồng (Sáu trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó 486.500.000 đồng tiền gốc và 128.000.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà Thái Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị L2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì chị Nguyễn Thị L2 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L2 phải chịu 28.580.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về tạm ứng án phí: Do bà Thái Thị L được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

3. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu